

ĐỌC “LỄ NGHI CHÍ” CỦA PHAN HUY CHÚ THẾ VĂN

Lễ nghi chí là một phần quan trọng trong bộ *Lịch triều hiến chương loại chí* của bác học Phan Huy Chú, được ông chép theo cách suu tầm, hiệu đính, hệ thống hóa, bình chú, thành các quyển 20, 21, 22, 23, 24, 25.

Toàn bộ ghi chép này là về *nghi lễ, nghi thức, quy chế* trong sinh hoạt chính trị tôn giáo của các triều đình, kể từ đời Tiên - Lê tới đời Lê - Trịnh. Tác giả xếp thành 15 mục lớn.

Nhìn dưới góc độ văn hóa giao tiếp, có thể xem tất cả nghi lễ, nghi thức, quy chế trong *Lễ nghi chí* là một hệ thống định chế xã hội có hiệu lực quy định, điều chỉnh, đánh giá thái độ và hành vi ứng xử của các thành viên trong xã hội cung đình phong kiến nước ta thuở trước. Hệ thống định chế này phức tạp mà rành mạch, chi li một cách nghiêm ngặt, chi phối mọi hoạt động giao tiếp, từ trang phục, nghi trương, đồ vật đến nói năng, đi đứng, cử động v.v... của vua quan trong những hoàn cảnh giao tiếp khác nhau. Hệ thống định chế ấy được ghi thành văn bản (tức những định chế thành văn) mà hiệu lực không kém gì pháp luật. Phạm lễ coi như phạm tội. Ngay về y phục thôi, mà khi ra qui định sửa đổi, vua Lê Thánh Tông năm Hồng Đức thứ 2 (1471), đã răn đe: “Hạn 100 ngày, nếu ai không theo đúng chế, sẽ giáng cấp trị tội”.

Để tiện xem xét, chúng ta có thể hệ thống hóa lại các lễ nghi này theo các mục như sau:

I - Quy chế mũ áo, phẩm phục, nghi vệ, xe kiệu, đồ hành nghi của vua chúa và của quan triều.

Đây là những quy định, những chuẩn mực về *hệ thống biểu trưng của giao tiếp cung đình*. Những biểu trưng này là một loại tín hiệu, một loại ngôn ngữ giao tiếp có ý định danh, định vị các thứ bậc, phẩm trật xã hội khác nhau. Nhìn vào phẩm phục, xe kiệu hay đồ hành nghi, người trong cuộc có thể nhận biết ngay ông quan mang nó ở thứ bậc nào. Nó cũng có ý nghĩa mách bảo quan triều về thái độ, hành vi ứng xử đúng với chuẩn mực đã quy định cho vị trí xã hội của mình.

Hệ thống biểu trưng này chia làm hai bậc lớn:

1- Vua chúa có mũ áo, xe kiệu, nghi vệ riêng, uy nghi và lộng lẫy nhất, mỗi thứ dùng trong một dịp hành lễ xác định (như trong tế lễ, trong thiết triều thường, trong những sự kiện chính trị lớn). Riêng xe, kiệu, đời Lê Thái Tông đã tới bảy loại (xe đại lộ, xe voi, xe ngựa, xe bộ, xe bay, kiệu cửu long, kiệu thất long). Đồ hành nghi nhiều vô kể, thầy đều sang trọng, đủ cho đoàn hộ giá tới 560 người mang vác.

2 - Phẩm phục, xe kiệu, đồ hành nghi của các quan: quy định cho quan văn riêng, quan võ riêng. Trong hàng quan văn lại chia trên dưới, hơn 20 hạng áo mũ khác nhau. Hàng văn là con vua chúa có mũ áo riêng, cũng chia ra bốn, năm hạng trên dưới. Trong ngạch võ cũng tới 15 hạng áo mũ khác biệt. Về võng lọng, nghi vệ các quan, tới triều Lê gồm 15 bậc khác nhau cho hàng võ, 21 bậc khác nhau cho hàng văn.

II - Nghi lễ tôn giáo và tín ngưỡng của triều đình.

Đây là một hệ thống những quy định về việc dùng xe kiệu, phẩm phục, những nghi thức tiếp rước vua chúa, những nghi thức hành lễ, những thứ lễ vật v. v... với những lời hô xướng, những chuỗi động tác thuộc lòng như trong vai diễn của những người chuyên trách việc hầu lễ cùng bá quan có mặt. Những nghi lễ này được tiến hành trong nhiều dịp tế lễ lớn: tế trời (ở đền Viên Khâu hay Nam Giao); tế tổ tiên (ở Thái Miếu), trong dịp sinh nhật và kỵ nhật từng vị được thờ (cuối Lê thì 28 ngày một năm ở Thái Miếu, 12 ngày kỵ một năm ở điện Chí Kính); rồi tế lễ bốn mùa (năm tiết trong một năm); lễ bảo thân; các lễ cầu đảo (từ tế đàn xã tắc cho chí bách thần, âm hồn, kỳ an v.v... cả thảy 10 thứ lễ trong năm).

III - Nghi thức triều chính.

Đây là hệ thống quy chế về thái độ và hành vi của vua quan trong những sự kiện lớn của sinh hoạt chính trị cung đình. Theo ghi chép của Phan Huy Chú, thì ít ra là có 11 lễ khánh hạ, 15 lễ tấn phong, sinh phong, trung phong.

IV - Nghi lễ tang diếu.

Gồm những quy định về nghi thức làm ma vua chúa, cùng trang phục, ngày để tang của quan triều, của giới quan lại địa phương cùng thứ dân. Ngày nay ta coi lĩnh vực này thuộc tục ma chay. Những thời trước triều đình cho là đại sự liên quan tới an nguy của quốc gia. Cho nên dân chúng cũng được dự phần - cụ thể là dân phải để tang vua 27 ngày và trong dịp đó cấm chỉ những cuộc vui cùng việc cưới xin.

Quả là cả hệ thống nghi lễ, phép tắc phức tạp mà bất cứ quan chức nào cũng phải coi là bài học vỡ lòng một khi bước chân vào đời sống cung đình, muốn giao tiếp dễ dàng, ổn thoả và tránh thoát tai họa phạm lễ.

*

* *

Điều quan trọng cần tìm hiểu ở đây, là hệ thống tín hiệu và nghi lễ ấy, nói lên được những điều gì, vai trò cách là một văn hóa giao tiếp cung đình?

Trong thời đại của nó, hệ thống nghi lễ gắn liền với hệ thống tổ chức thực hiện nghi lễ ấy, biểu hiện một trình độ văn minh đương thời, một trình độ tổ chức xã hội khá cao của các triều đại phong kiến nước ta. Cùng với luật pháp, hệ thống nghi lễ đảm bảo sự ổn định trong trật tự của đời sống các vương triều, về khách quan là có ý nghĩa đối với sự ổn định đời sống kinh tế, xã hội quốc gia. Lịch sử cho thấy những thứ thịnh trị Lý, Trần, Lê sơ, triều chính ổn định, dân chúng an cư lạc nghiệp, thì nền độc lập và thống nhất quốc gia bền vững.

Tuy nhiên, văn hóa giao tiếp cung đình phong kiến nước ta về cơ bản là mô phỏng điển lễ Trung Quốc. Phan Huy Chú nhận rằng: các thứ phẩm phục, xe kiệu cho chí mọi nghi lễ khác đều dựa theo Kinh Lễ, đều học theo lối nhà Đường, nhà Tống

nhà Nguyên. Từ những nghi lễ còn đơn sơ thời Tiền Lê, đến hệ thống nghi lễ phức tạp và hoàn chỉnh thời Trịnh, đó là quá trình các triều đại phong kiến ở ta ngày càng dập khuôn thể thức, thiết chế triều chính cũng như các phép tắc ứng xử trong xã hội cung đình theo mẫu Trung Quốc. Trong khi cố gắng bảo vệ tính độc lập về cương vực và về một số mặt phát triển kinh tế, văn hóa nước nhà, thì các triều phong kiến buổi đang lên vẫn phải vọng ngoại về tổ chức cơ chế chính trị và xã hội của mình. Mâu thuẫn đó là không tránh khỏi, rốt cuộc cũng bởi lý do văn hóa; *ở ta không có được một tư duy duy lý, tư duy lý thuyết mạnh mẽ khả dĩ xác lập được một hệ thống lý thuyết riêng làm rường cột tư tưởng cho chính trị, xã hội, cho nên phải vay mượn lý thuyết Nho giáo cũng như mô hình tổ chức chính trị - xã hội phong kiến Trung Quốc.*

Hệ thống nghi lễ kể trên cho thấy bản chất mối quan hệ xã hội giữa các thành viên trong cung đình, *là quân chủ độc tôn, là tôn quân tuyệt đối.* Một xã hội cung đình đông đảo và náo nhiệt làm vậy, nhưng trong quan hệ giao tiếp, thì xem ra lại giản đơn: chỉ là *giao tiếp giữa hai đối tượng mà thôi: một bên là vua ngự ở trên, một bên là văn võ bá quan, lệ thuộc.* Vua chúa có mặt ở tất cả mọi dịp tiến hành nghi lễ, luôn luôn với tư cách nhân vật trung tâm, đối tượng của sự sùng bái, kính sợ và *chính sự có mặt của vua chúa mới tạo ra hoạt động nghi lễ.* Ngay trong những hoàn cảnh của lễ nghi tôn giáo, tượng đầu thần thánh là lý do của nghi lễ, là đối tượng sùng bái, nhưng không, chính vua chúa mới là đối tượng đích thực. Để hiểu vì sao một nhà thái miếu, ngay đến thời Lê, mà như Phan Huy Chú nhận xét: “Thái miếu nhà Lê, có đường chung mà không có thất riêng, hơn 20 vua, cứ bày thần vị đối hàng, thế là thể chế không long trọng, trên dưới sát nhau, mà những chỗ bày lễ vật ở trước thần vị thì quá chật chội không đủ chỗ dung. Việc thờ cúng như thế là “khinh nhờn”. Trong khi đó, thì các lễ nghi ở thái miếu được tiến hành nghiêm ngặt, bá quan phải tuân thủ đầy đủ những tung hô, những đón rước, những quỳ lạy, vua chúa tới hành lễ. Nghĩa là nghi lễ thờ phụng không quan tâm nhiều đến thế giới những tiên đế đã chết, mà chỉ chú trọng đến tôn sùng ngôi vua đang sống. Các vua chúa ở ta - trừ một vài vị vua đời Trần chăng? - đã không tự đồng hóa mình với thần linh, nhưng lại không bỏ qua cơ hội chiếm chỗ sùng bái của thần linh. Đã vậy, vua chúa còn dành riêng cho mình ít ra là bảy dịp lễ lớn mỗi năm mà ý nghĩa của lễ đó là thuần túy sùng bái cá nhân mình. Đó là các lễ thánh thọ (sinh nhật) khánh thọ, điện thọ, tết chính đán, tiến xuân, tiến xuân ngư. Đặc biệt là lễ minh thế, tiến hành ở đền thờ thần Đổng Cỗ. Vua chúa mượn thần linh chứng giám bá quan uống máu ăn thề trung thành với cá nhân vua, rằng: “Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung thì thần linh giết chết”.

Trong quan hệ tôn quân tuyệt đối như vậy, tư thế giao tiếp của các quan triều từ tứ trụ triều đình tới quan chức xoàng, tuy khác nhau phẩm phục, nhưng *trăm người như một đều chỉ có một tư thế đồng nhất là lệ thuộc mà thôi.* Mọi ngôn từ, cử chỉ, hành vi của trăm người rầm rập theo lễ, nhất loạt một khuôn theo hiệu lệnh, nhất nhất kính sợ vua, không chấp nhận mảy may cá tính - tóm lại là *một tư thế, một phong cách giao tiếp phi cá thể.* Hệ thống nghi lễ nghiêm ngặt, không thay đổi, không xê dịch, điều khiển mọi hoạt động giao tiếp của các quan triều như những rô-bốt (người máy) vậy. Có lẽ vì thế mới có lời cảm thán của một quan triều có nhân cách lớn như Nguyễn Trãi: “Dưới công danh đeo khổ nhục”..

Không khí và định chế khắt khe, máy móc của văn hóa giao tiếp cung đình, thứ văn hóa cứng cổ óc tuân thủ, rập khuôn và tâm trạng kính vâng, sợ hãi, dẫn tới đè nén

cá tính, trói buộc tư duy sáng tạo vốn năng động và giàu bay bổng của lớp trí thức tiêu biểu của đất nước tập trung ở chốn cung đình. Biết bao thế hệ những tài năng bị cuốn hút và cầm tù trong đời sống cung đình “máy hóa” như vậy, rốt cuộc là chỉ có thể xả phóng những thơ phú ngâm vịnh ca ngợi vua chúa và tán tụng lẫn nhau, đã vô ích cho đời, lại chẳng có mấy giá trị thơ văn. Tiến sĩ thì nhiều, mà người có ích cho nước, cho dân quá ít. Phàm những anh hùng, những danh nhân xuất thân khoa bảng, thấy đều do cách này hay cách khác thoát ra khỏi kiềm tỏa của đời sống cung đình, của ràng buộc áo xiêm bông lộc, hướng tới nước, tới dân, phát huy bản ngã trí thức của mình. Ví như Nguyễn Trãi gặp buổi loại ly nên thoát khỏi triều Hồ mà sống với sự nghiệp nhân dân dưới cờ Lê Lợi; Ngô Thì Nhậm giữ cốt cách riêng nên bị Trịnh Khải truy lùng, phải ẩn náu trong dân chúng, sau theo sự nghiệp Tây Sơn mà nên danh nhân rạng rỡ; Lê Hữu Trác ngán cung đình chúa Trịnh vua Lê, bỏ về quê, ngoặt hẳn sang đường làm thuốc cứu dân mà trở thành bậc đại danh y; Cao Bá Quát cầm bút rồi cầm gươm chống lại triều Nguyễn thối nát mà nêu tên tuổi trong lịch sử v.v... Hay như Lê Quý Đôn, Phan Huy Chú, vẫn sống bằng lương quan chức cung đình, song sở dĩ trở thành bác học, cũng do ngoài tư cách quan triều, còn sống với con người học thuật, yêu nước, yêu văn hiến dân tộc của mình vào sự nghiệp trước tác v.v...

*

* *

Nếu đặt vấn đề nghiên cứu xây dựng một văn hóa giao tiếp mới, thì chắc chắn là không thể không xem xét kỹ lưỡng mọi kiểu cách giao tiếp cung đình cũng như giao tiếp trong dân gian thời trước, cùng những ảnh hưởng tiêu cực của nó trong đời sống chúng ta thời kỳ quan liêu, bao cấp mấy chục năm qua.

Mặt khác, ngay cả khi đã xây dựng được một mô hình văn hóa giao tiếp mới phù hợp với chế độ mới với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, ở đó mọi thành viên xã hội có quyền bình đẳng, quyền phát triển nhân cách công dân trong mọi quan hệ xã hội thì việc chuyển mô hình văn hóa đó vào ý thức, thói quen của đông đảo quần chúng đòi hỏi phải có một cơ chế tác động thích hợp. Tiến hành những điều tra, nghiên cứu nhằm xây dựng cơ chế, chuẩn hóa đó, phải chăng là một yêu cầu bức thiết hiện nay đối với ngành Xã hội học ở Việt Nam.